

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST

Ngày 17-7-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Chính.
2. Ông Trần Như Học.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972 (có đơn vắng mặt).
2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh T, sinh năm 1971 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 5 năm 2018, biên bản hòa giải ngày 26/6/2018 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:*

- Về hôn nhân: Do mai mối, năm 1991 bà Th và ông Trần Thanh T thành hôn, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục địa phương, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Khi mới thành hôn chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cãi nhau, ông T sống

không chung thủy có quan hệ bất chính. Ông bà sống ly thân từ tháng 10 năm 2017, trong thời gian sống ly thân cũng không giải quyết được mâu thuẫn, nay hết tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 người chung tên Trần Thanh Nh, sinh năm 1992 (nam); Trần Hoàng Kh, sinh năm 1995 (nam), hai người con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 26 tháng 6 năm 2018, biên bản hòa giải ngày 26/6/2018 bị đơn ông Trần Thanh T trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm 1991, do mai mối ông T và bà Nguyễn Thị Th kết hôn, có tổ chức đám cưới, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống không hợp nhau nên thường hay cự cãi, ông bà sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay, bà Th yêu cầu ly hôn ông T đồng ý.

- Về con chung: Có 02 người con chung, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung, nợ phải thu và phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th, bị đơn ông Trần Thanh T có yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Năm 1991, do mai mối bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Thanh T thành hôn, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Trong thời gian chung sống với nhau giữa bà Th và ông T có những bất hòa không tự hàn gắn được, theo lời trình bày của bà Th là do ông T sống không chung thủy, điều này được ông T thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 26/6/2018

(bút lục số 26, 27). Ông bà sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân cũng không giải quyết được mâu thuẫn, gia đình cũng có hòa giải hàn gắn nhưng không có kết quả, bà Th yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý. Xét thấy, bà Th và ông T chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà Th và ông T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Hai đương sự xác định có hai người con hiện nay đã trưởng thành, không đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng bà Th phải chịu, bà Th được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng bà Th phải chịu, bà có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015978 ngày 15 tháng 6 năm 2018 được đối trừ.

Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đình